

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA

SỔ GHI ĐIỂM
CỦA GIÁO VIÊN

Họ và tên giáo viên: Phạm Thị Thơ

Môn học: Địa lí

Trường: Trường THPT Đoàn Thị Điểm

NĂM HỌC 2020-2021

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA

SỔ GHI ĐIỂM
CỦA GIÁO VIÊN

Họ và tên giáo viên: Phạm Thị Thơ

Môn học: Địa lí

Lớp giảng dạy: 10A3, 10A4, 10A5, 10A6, 10A7, 10A8, 11B7

Trường: Trường THPT Đoàn Thị Điểm

NĂM HỌC 2020-2021

LỚP: 10A3

MÔN: ĐỊA LÍ

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Đào Ngọc Ánh											
2	Hồ Gia Bảo											
3	Đình Hữu Bằng											
4	Vũ Hoàng Đạt											
5	Nguyễn Hạnh Hân											
6	Lê Minh Huy											
7	Lê Minh Khang											
8	Phạm Nhật Khôi											
9	Lê Ngọc Khương											
10	Chế Ngọc Mỹ Kim											
11	Cao Thị Lắng											
12	Nguyễn Kim Lợi Ngân											
13	Phạm Quốc Nguyên											
14	Trương Thị Thảo Nguyên											
15	Nguyễn Lê Xuân Nguyệt											
16	Võ Chí Nhân											
17	Lê Khánh Nhựt											
18	Lê Thu Phương											
19	Trần Thanh Quân											
20	Nguyễn Hoàng Minh Quốc											
21	Mai Thị Kim Sen											
22	Trần Thế Sơn											
23	Đỗ Minh Tâm											
24	Nguyễn Châu Thanh											
25	Huỳnh Minh Thảo											
26	Phạm Yến Thảo											
27	Phan Thị Thanh Thảo											
28	Thái Thị Ngọc Thảo											
29	Lê Văn Thi											
30	Mai Đức Thiện											
31	Hà Nguyễn Phương Thủy											
32	Nguyễn Thị Phương Thùy											
33	Lê Hạ Thủy Tiên											
34	Nguyễn Hà Thủy Tiên											
35	Cao Thị Huyền Trang											
36	Nguyễn Ngọc Khánh Trâm											
37	Võ Ngọc Gia Trân											
38	Huỳnh Thị Thanh Trúc											
39	Trần Nguyễn Quốc Trung											
40	Nguyễn Phạm Nhật Tường											
41	Lê Thùy Uyên											
42	Lê Trần Trúc Vy											

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%

LỚP: 10A4

MÔN: ĐỊA LÍ

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)						Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)						ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M			V											
1	Lê Quốc Bảo															
2	Lộc Như Ngọc Thanh Bình															
3	Nguyễn Thanh Bình															
4	Trần Thành Đạt															
5	Vũ Diệu Hồng Hạnh															
6	Phạm Thị Thanh Hậu															
7	Võ Trung Hoài															
8	Trần Thị Mỹ Hoàng															
9	Trần Huy Hùng															
10	Nguyễn Nhật Huy															
11	Trương Đức Huy															
12	Nguyễn Tấn Khiêm															
13	Lê Lai															
14	Lê Ngọc Khánh Liễu															
15	Vũ Tiến Long															
16	Trần Thị Ngọc Ly															
17	Trịnh Thị Xuân Mai															
18	Huỳnh Tuấn Minh															
19	Nguyễn Anh Minh															
20	Ngô Nguyễn Quỳnh Nga															
21	Tạ Thị Thúy Nga															
22	Nguyễn Thị Bích Ngọc															
23	Nguyễn Bảo Nguyên															
24	Đỗ Phương Ái Nhi															
25	Nguyễn Hoàng Phương Nhiên															
26	Võ Ngọc Ý Như															
27	Phạm Xuân Phong															
28	Trịnh Minh Phúc															
29	Dương Minh Phước															
30	Quách Thị Ngọc Phượng															
31	Thái Thị Lệ Quyên															
32	Phan Trần Thịnh															
33	Nguyễn Trương Thương Thương															
34	Nguyễn Thị Thùy Tiên															
35	Phan Đăng Anh Tiến															
36	Nguyễn Ngọc Thùy Trang															
37	Nguyễn Thị Thu Trang															
38	Trần Thị Ngọc Trang															
39	Bùi Thị Thanh Trúc															
40	Trần Mạnh Tường															
41	Nguyễn Quốc Xuân															
42	Trần Thị Như Ý															
Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)																
- Giỏi: 0 - 0%																
- Khá: 0 - 0%																
- Trung bình: 0 - 0%																
- Yếu: 0 - 0%																
- Kém: 0 - 0%																

LỚP: 10A5**MÔN: ĐỊA LÍ****HỌC KỲ I**

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M	V									
1	Trần Tất An											
2	Đỗ Trâm Anh											
3	Lê Mai Anh											
4	Nguyễn Thị Mai Anh											
5	Trần Anh Hữu Bằng											
6	Trần Khánh Dương											
7	Thái Tấn Đạt											
8	Lê Ngọc Thịnh Gia											
9	Chế Minh Hải											
10	Lê Trung Hiếu											
11	Nguyễn Nhật Hoa											
12	Lê Minh Huy											
13	Trần Tuấn Khang											
14	Tạ Đình Khánh											
15	Nguyễn Vũ Anh Khoa											
16	Đặng Trần Kiều Lam											
17	Dương Thành Lộc											
18	Hoàng Xuân Minh											
19	Nguyễn Ngọc Diễm My											
20	Lê Thị Mỹ Ngân											
21	Nguyễn Thị Yến Nhi											
22	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như											
23	Nguyễn Lâm Phi											
24	Phan Nhật Phong											
25	Trương Thị Mỹ Phương											
26	Võ Lê Mai Quyên											
27	Võ Thái Sơn											
28	Hoàng Nam Thanh Tâm											
29	Đỗ Phạm Minh Thông											
30	Nguyễn Thị Minh Thư											
31	Nguyễn Đình Tiến											
32	Cao Thị Ngọc Trâm											
33	Nguyễn Minh Huyền Trâm											
34	Nguyễn Thị Kim Trinh											
35	Mang Văn Trọng											
36	Nguyễn Thị Thanh Trúc											
37	Nguyễn Xuân Trường											
38	Nguyễn Thành Viên Uyên											
39	Phùng Trương Hải Văn											
40	Võ Khánh Việt											
41	Huỳnh Trần Phúc Vinh											
42	Nguyễn Duy Vinh											

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%
- Khá: 0 - 0%
- Trung bình: 0 - 0%
- Yếu: 0 - 0%
- Kém: 0 - 0%

LỚP: 10A6

MÔN: ĐỊA LÍ

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)						Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)						ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M			V											
1	Võ Ngọc Anh															
2	Trương Quân Bảo															
3	Dương Chí Công															
4	Lê Tuấn Cường															
5	Nguyễn Văn Danh															
6	Lý Quỳnh Trúc Giang															
7	Phan Thị Thanh Hà															
8	Nguyễn Thị Hoàng Hải															
9	Nguyễn Lê Ngọc Hân															
10	Nguyễn Mỹ Ngọc Hân															
11	Trà Thị Ngọc Hiền															
12	Lê Xuân Huy															
13	Nguyễn Lê Ngọc Huy															
14	Phạm Quốc Huy															
15	Nguyễn Ngọc Huyền															
16	Hà Đỗ Diễm Hương															
17	Trần Anh Kiệt															
18	Trần Thanh Liêm															
19	Ca Thị Mai															
20	Trần Nguyễn Khánh Minh															
21	Nguyễn Thị Trà My															
22	Trương Nguyễn Giáng My															
23	Huỳnh Thanh Nghĩa															
24	Nguyễn Thái Nguyên															
25	Nguyễn Thị Hồng Nhạn															
26	Huỳnh Lê Yến Nhi															
27	Nguyễn Tuyết Nhi															
28	Nguyễn Thị Thùy Như															
29	Huỳnh Tấn Ninh															
30	Ông Thị Phú															
31	Hoàng Nhật Quang															
32	Nguyễn Mai Đan Quỳnh															
33	Nguyễn Nữ Mì Sa															
34	Nguyễn Thành Tâm															
35	Lê Trần Thịnh															
36	Hoàng Lê Minh Thức															
37	Huỳnh Ngọc Thủy Tiên															
38	Nguyễn Văn Tin															
39	Nguyễn Đăng Triển															
40	Nguyễn Đăng Trí															
41	Nguyễn Công Tuyền															
42	Nguyễn Nhật Tuyền															
43	Đặng Huy Văn															
44	Hoàng Nhật Vinh															
45	Hoàng Bá Vương															
Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)																
- Giỏi: 0 - 0%																
- Khá: 0 - 0%																
- Trung bình: 0 - 0%																
- Yếu: 0 - 0%																
- Kém: 0 - 0%																

LỚP: 10A7

MÔN: ĐỊA LÍ

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)						Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)						ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M			V											
1	Lê Hồng Anh															
2	Lê Thị Ngọc Ánh															
3	Đình Nguyễn Kim Bình															
4	Lê Phúc Bình															
5	Khổng Đình Chiến															
6	Đào Văn Cương															
7	Cao Minh Duy															
8	Cao Thị Mỹ Duyên															
9	Phạm Nguyễn Hoàng Gia															
10	Phan Thị Khánh Hà															
11	Nguyễn Trung Hiếu															
12	Nguyễn Đức Khoa															
13	Nguyễn Quang Khoa															
14	Lê Văn Khôi															
15	Nguyễn Trọng Lân															
16	Trần Thị Trà My															
17	Trần Việt Nga															
18	Lê Quốc Nghĩa															
19	Lê Thị Hồng Ngọc															
20	Trịnh Minh Ngọc															
21	Lê Thị Yên Nhi															
22	Nguyễn Mai Ngọc Như															
23	Phạm Lê Hoàng Như															
24	Nguyễn Thị Tuyết Ny															
25	Cao Thị Phương															
26	Phạm Gia Quốc															
27	Nguyễn Ngọc Thanh Quy															
28	Lê Tuấn Quỳnh															
29	Nguyễn Văn Tân															
30	Nguyễn Hữu Thắng															
31	Nguyễn Thị Thanh Thúy															
32	Hồ Ngọc Thanh Trà															
33	Thân Thị Bích Trâm															
34	Nguyễn Minh Trí															
35	Nguyễn Trọng Trí															
36	Nguyễn Hải Triều															
37	Lê Thanh Tùng															
38	Lê Võ Đức Việt															
39	Nguyễn Đại Việt															
40	Trần Nhật Thảo Vy															

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%

LỚP: 10A8

MÔN: ĐỊA LÍ

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Dương Phúc An											
2	Đặng Trí Bình An											
3	Nguyễn Xuân An											
4	Mai Nguyễn Minh Anh											
5	Trịnh Ngọc Ánh											
6	Nguyễn Nhật Bằng											
7	Cao Cảnh											
8	Võ Ngọc Minh Châu											
9	Cao Cường											
10	Nguyễn Thị Lê Dung											
11	Phạm Thị Thùy Dung											
12	Hồ Chí Dũng											
13	Ca Thị Đào											
14	Nguyễn Thành Đạt											
15	Nguyễn Thị Hồng Hạnh											
16	Võ Văn Hiếu											
17	Vũ Quốc Tín Hiệu											
18	Nguyễn Thị Mỹ Huyền											
19	Nguyễn Quỳnh Hương											
20	Trương Chí Khang											
21	Trương Hữu Khánh											
22	Đặng Anh Khoa											
23	Đình Tuấn Kiệt											
24	Lê Nguyễn Thanh Lam											
25	Phạm Bích Ngọc											
26	Nguyễn Thu Nhân											
27	Phạm Anh Nhân											
28	Bùi Thiện Phú											
29	Lê Trần Anh Phương											
30	Lê Thị Thanh Thảo											
31	Trương Thị Thu Thảo											
32	Nguyễn Văn Thông											
33	Lữ Nữ Thanh Trâm											
34	Phan Hoàng Bảo Trân											
35	Trịnh Ngọc Bảo Trân											
36	Bạch Anh Trí											
37	Nguyễn Anh Tuấn											
38	Nguyễn Quốc Tùng											
39	Nguyễn Thị Thùy Vi											
40	Trần Anh Vũ											
41	Nguyễn Huỳnh Vy Vy											
42	Nguyễn Hoàn Như Ý											

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%

LỚP: 11B7

MÔN: ĐỊA LÍ

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)						Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)						ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M			V											
1	Trần Huy An															
2	Nguyễn Quốc Nguyên Bình															
3	Trần Ngọc Duy															
4	Nguyễn Hoàng Xuân Duyên															
5	Đặng Quốc Dũng															
6	Trần Lê Thùy Đoan															
7	Lê Tấn Hào															
8	Lê Thị Kim Hân															
9	Nguyễn Thị Hoài															
10	Trần Quốc Huy															
11	Trần Xuân Khang															
12	Cao Thị Khiên															
13	Trần Duy Khoa															
14	Cao Nguyễn Tiểu Khuyên															
15	Võ Thanh Kiên															
16	Ca Thị Lành															
17	Nguyễn Thành Long															
18	Đoàn Thị Kiều Ly															
19	Nguyễn Xuân Mai															
20	Nguyễn Lê Xuân Nhi															
21	Nguyễn Tấn Phong															
22	Phạm Hữu Phú															
23	Phạm Đình Phúc															
24	Nguyễn Trần Nam Phương															
25	Tạ Thanh Quý															
26	Lê Trung Tân															
27	Nguyễn Đình Thanh															
28	Lương Văn Thái															
29	Lương Thị Kim Tháo															
30	Nguyễn Như Phương Tháo															
31	Nguyễn Thị Thanh Tháo															
32	Bo Bo Thị Thi															
33	Chế Ngọc Thiện															
34	Nguyễn Minh Thuận															
35	Phan Nguyễn Anh Thuận															
36	Phan Thị Thanh Thúy															
37	Phan Thị Mỹ Trang															
38	Phạm Mạnh Trung															
39	Phan Thị Thảo Vân															
40	Văn Quang Vinh															
Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)																
- Giỏi: 0 - 0%																
- Khá: 0 - 0%																
- Trung bình: 0 - 0%																
- Yếu: 0 - 0%																
- Kém: 0 - 0%																



